

## **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future  
with confidence**

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 12
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	13
Báo cáo kiểm toán độc lập	14 - 15
Báo cáo thu nhập	16
Báo cáo tình hình tài chính	17 - 18
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	19
Báo cáo danh mục đầu tư	20 - 21
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	22 - 23
Thuyết minh báo cáo tài chính	24 - 67

2-  
Y  
DUI  
AM  
CP

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

## THÔNG TIN CHUNG

### QUỸ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 152/GCN-UBCK ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 48/GCN-UBCK ngày 2 tháng 12 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 15.299.243,34 chứng chỉ với tổng giá trị là 152.992.433.400 VNĐ, chiếm 305,98% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 607.316.796.800 VNĐ, tương đương với 60.731.679,68 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng tài sản đầu tư trong trung và dài hạn thông qua phân bổ tỷ trọng đa số vào các cổ phiếu của các công ty có vốn hóa vừa và có tiềm năng tăng trưởng cao.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

### NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 1 năm 2026. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày 28 tháng 1 năm 2026 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

### BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Mạc Quang Huy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 2 tháng 12 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Ngày 2 tháng 12 năm 2021
Bà Vũ Ngọc Quỳnh	Thành viên	Ngày 21 tháng 11 năm 2023

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank – Công ty Quản lý Quỹ	Ngày 17 tháng 4 năm 2024

Bà Phạm Thanh Huyền - Phó Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ được bà Nguyễn Thị Hằng Nga - Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền ký báo cáo này theo Giấy Ủy quyền số 12225/UQ-VCBF ngày 25 tháng 8 năm 2025.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quý.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ



Bà Phạm Thanh Huyền  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

#### 1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF (“Quỹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 152/GCN-UBCK ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 48/GCN-UBCK ngày 2 tháng 12 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ chủ yếu là tăng trưởng tài sản đầu tư trong trung và dài hạn thông qua phân bổ tỷ trọng đa số vào các cổ phiếu của các công ty có vốn hóa vừa và có tiềm năng tăng trưởng cao.

#### 2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 6,37% và 16,65% so với ngày 31 tháng 12 năm 2024.

#### 3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ sẽ tuân thủ một chiến lược đầu tư có kỷ luật nhằm đạt được mục tiêu đầu tư của Quỹ và sẽ đầu tư vào một danh mục đa dạng các cổ phiếu thỏa mãn các điều kiện về Phân bổ tài sản nhằm giảm thiểu rủi ro cho Quỹ. Các cổ phiếu có vốn hóa vừa thường có đặc thù là thanh khoản thấp. Quỹ sẽ cân nhắc kỹ lưỡng rủi ro này trong lựa chọn cổ phiếu và mức chiết khấu cần thiết với các cổ phiếu có thanh khoản thấp. Công ty có vốn hóa vừa được định nghĩa là công ty có vốn hóa nằm trong phạm vi vốn hóa của các cổ phiếu trong rổ chỉ số VNMIIDCAP.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

<i>Loại hình đầu tư</i>	<i>Mức độ rủi ro</i>	<i>Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)</i>
Cổ phiếu của công ty có vốn hóa vừa và có tiềm năng tăng trưởng cao	Cao	Tỷ trọng đa số
Trái phiếu	Thấp	Hầu như không có Tuy nhiên, Quỹ có thể xem xét đầu tư các trái phiếu phát sinh từ việc thực hiện quyền mua của các cổ phiếu nắm giữ với tỷ trọng tối đa 10% tổng tài sản của Quỹ.
Tiền	Gần như không có	Phần tiền chưa đầu tư

#### 4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC (“Thông tư 98”) ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

#### 5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

#### 6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Cao

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

### 7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 48/GCN-UBCK ngày 2 tháng 12 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

### 8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tổng giá trị tài sản ròng: 865.753.401.383 Việt Nam đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 60.731.679,68 chứng chỉ quỹ.

### 9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ

Lợi nhuận tham chiếu là thay đổi của chỉ số VNMIIDCAP trong cùng thời kỳ xác định lợi nhuận của Quỹ.

### 10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

### 11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

## II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

### 1. Phân bổ tài sản quỹ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (%)
<i>Phân bổ tài sản quỹ</i>			
Danh mục cổ phiếu	98,51	94,83	98,27
Tài sản khác	1,49	5,17	1,73
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)	865.753.401.383	613.479.194.699	322.992.936.587
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	60.731.679,68	45.774.866,42	30.454.039,45
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	14.255,38	13.402,09	10.605,91
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	15.194,75	13.460,19	10.946,13
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.786,10	10.605,26	8.034,19
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ (b)	6,37	26,36	31,95
9.1	Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá) (b)	6,19	26,33	31,44
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị quỹ (Tinh trên thu nhập đã thực hiện) (b)	0,18	0,03	0,51
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (c)	-	-	-
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (c)	-	-	-
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (c)	-	-	-
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,21	2,26	2,26
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	28,79	25,44	5,46

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

(c) Quỹ chưa phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

<i>Giai đoạn</i>	<i>Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ (%)</i>	<i>Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ (%)</i>
1 năm (từ 1/1/2025 đến 31/12/2025)	6,37	16,65
3 năm (từ 1/1/2023 đến 31/12/2025)	77,36	69,44
3 năm (bình quân năm)	21,05	19,22
Từ khi thành lập	42,55	6,57
Từ khi thành lập (bình quân năm)	9,07	1,57

4. Tăng trưởng hàng năm

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2025 (%)</i>	<i>Năm 2024 (%)</i>	<i>Năm 2023 (%)</i>
Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ/1 đơn vị quỹ	6,37	26,36	31,95

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

### 1. Kinh tế vĩ mô

Tăng trưởng GDP năm 2025 tăng tốc và vượt mục tiêu đề ra, đạt 8,02% so với cùng kỳ (Quý 4 đạt 8,46%), cao hơn đáng kể mức bình quân 5 năm trước đại dịch (6,76%), phản ánh đã phục hồi đồng bộ của cả khu vực sản xuất và dịch vụ.

- ▶ Khu vực Công nghiệp & Xây dựng tăng 9,0% so với cùng kỳ (2024: 8,2%), tiếp tục là động lực chính của tăng trưởng kinh tế. Ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,0%, duy trì vai trò dẫn dắt dù vẫn thấp hơn mức tăng trưởng bình quân 12,2% của giai đoạn trước Covid. Ngành xây dựng tăng mạnh 9,6%, mức cao nhất kể từ năm 2016, nhờ đẩy mạnh đầu tư công, trong khi ngành Khai khoáng phục hồi nhẹ 0,4% sau 2 năm suy giảm liên tiếp.
- ▶ Khu vực Dịch vụ tăng 8,6%, cao hơn mức bình quân 7,0% của giai đoạn trước đại dịch và tiệm cận tốc độ tăng trưởng trước Covid.
- ▶ Khu vực Nông, Lâm nghiệp & Thủy sản tăng 3,8%, cao hơn các mức trung bình trước đây và gần tương đương năm 2023, bất chấp tác động bất lợi của thời tiết trong Quý 4.
- ▶ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 9,2% theo giá danh nghĩa và 6,7% theo giá thực, cho thấy tiêu dùng nội địa duy trì ổn định.
- ▶ Chỉ số PMI duy trì trên ngưỡng 50 điểm trong nửa cuối năm (bình quân 52,4 điểm), cải thiện rõ rệt so với mức 48,8 điểm trong nửa đầu năm, phản ánh sự phục hồi của đơn hàng mới và hoạt động sản xuất.
- ▶ Xuất khẩu tăng 17,0% so với cùng kỳ, bất chấp những lo ngại đầu năm về rủi ro thuế quan từ Mỹ. Nhóm điện tử (+48,4%) và máy móc (+13,2%) tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng. Thặng dư thương mại hàng hóa đạt 20,0 tỷ USD, dù giảm so với mức cao của năm trước nhưng vẫn vượt xa bình quân 5 - 10 năm.
- ▶ FDI giải ngân đạt kỷ lục mới 27,6 tỷ USD (+9,0% YoY), trong đó lĩnh vực chế biến chế tạo chiếm tỷ trọng chủ đạo, củng cố triển vọng trung hạn của khu vực sản xuất.
- ▶ Lạm phát ở mức 3,5%, duy trì dưới trần mục tiêu 4,5–5,0% của Chính phủ, song áp lực lạm phát vẫn hiện diện nếu so với mức lạm phát 2,9% năm 2024 trong bối cảnh tín dụng tăng mạnh 17,7% cho cả năm.

Về tỷ giá, áp lực mất giá của VNĐ giảm dần trong Quý 4 sau khi Fed hạ lãi suất ba lần trong năm. VNĐ tăng nhẹ 0,26% theo quý và thu hẹp mức mất giá còn 3,2% so với cùng kỳ, trong khi chỉ số DXY giảm 9,4%. Cán cân vốn tiếp tục được hỗ trợ nhờ thặng dư thương mại và dòng vốn FDI mạnh, tiếp tục đóng vai trò bộ đệm ổn định thị trường ngoại hối.

### 2. Thị trường cổ phiếu

Thị trường cổ phiếu khép lại năm 2025 với cột mốc lịch sử tại 1.784,5 điểm, tương ứng mức tăng trưởng 40,9%. Hiệu suất này vượt xa các thị trường trong khu vực như Indonesia (JCI, +22,1%), Malaysia (FBMEMAS, -1,8%), Philippines (PCOMP, -7,3%) và Thái Lan (SET, -10,0%).

Mặc dù thanh khoản thị trường vẫn duy trì ở mức tích cực - với giá trị giao dịch bình quân ngày tăng 35,2% YoY, đạt 1,1 tỷ USD - tâm lý nhà đầu tư vẫn chịu áp lực bởi làn sóng rút vốn liên tục của khối ngoại. Tổng giá trị bán ròng của khối ngoại trong năm 2025 lên đến 5,1 tỷ USD, tăng mạnh so với con số 3,7 tỷ USD ghi nhận vào năm 2024.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

### 2. Thị trường cổ phiếu (tiếp theo)

Xét theo quy mô vốn hóa, một sự phân hóa sắc nét đã hình thành giữa các nhóm cổ phiếu: nhóm vốn hóa lớn (VN30, +51,0%) vượt trội hoàn toàn so với nhóm vốn hóa trung bình (VN70, +16,6%) và vốn hóa nhỏ (VN50, +1,7%). Trên thực tế, dù VN-Index và VN30 mang lại tỷ suất sinh lời ấn tượng, mức độ phân hóa vẫn duy trì ở mức cao khi có tới hơn 42% mã cổ phiếu thuộc VN-Index kết thúc năm với mức lợi nhuận âm. Đáng chú ý, đà tăng của thị trường mang tính tập trung rất cao: riêng nhóm cổ phiếu họ Vingroup đã đóng góp hơn 400 điểm vào tổng mức tăng khoảng 517 điểm của chỉ số, cho thấy ảnh hưởng quá lớn của một tập đoàn duy nhất. Ngoài nhóm này, đà tăng cũng mang tính chọn lọc, ưu tiên các mã vốn hóa lớn và có câu chuyện riêng như VJC, HDB, GEE và GEX. Xu hướng này phản ánh một thị trường được dẫn dắt bởi nhóm vốn hóa lớn và các chủ đề xoay quanh chính sách, thay vì được dẫn dắt bởi sự phục hồi lợi nhuận doanh nghiệp trên diện rộng hay sự tái định giá.

Trong năm 2025, có 9 trên 11 nhóm ngành theo phân loại GICS ghi nhận tăng trưởng. Tuy nhiên, chỉ có hai nhóm ngành đạt mức sinh lời vượt qua con số 40,9% của VN-Index. Ngành bất động sản dẫn đầu thị trường với mức tăng 228,3%, nhờ đà bứt phá kỷ lục của VIC (+736,5%), VHM (+210,0%) và VRE (+96,2%). Ngành Công nghiệp tăng 42,7%, đóng góp đáng kể từ GEE (+799,8%), GEX (+147,9%) và VJC (+109,0%). Ngành Tài chính đạt mức tăng 24,2%, dù thấp hơn chỉ số chung nhưng vẫn là mức tăng trưởng cao, nhờ triển vọng kinh tế cải thiện và nhu cầu tín dụng hồi phục từ thị trường bất động sản. Ở chiều ngược lại, ngành Công nghệ thông tin (-24,1%) và ngành Dịch vụ viễn thông (-13,4%) là những nhóm ngành kém khả quan nhất. Ngành Công nghệ thông tin chịu áp lực lớn từ FPT (-26,4%) khi mã này bước vào nhịp điều chỉnh sau đợt tăng mạnh 85,0% trong năm trước, phản ánh lo ngại của nhà đầu tư về sự sụt giảm trong chi tiêu CNTT toàn cầu.

## IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

### 1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (a)	0,18	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (a)	6,19	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	6,37	9,07
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng

(a) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	865.753.401.383	613.479.194.699	41,12
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ	14.255,38	13.402,09	6,37

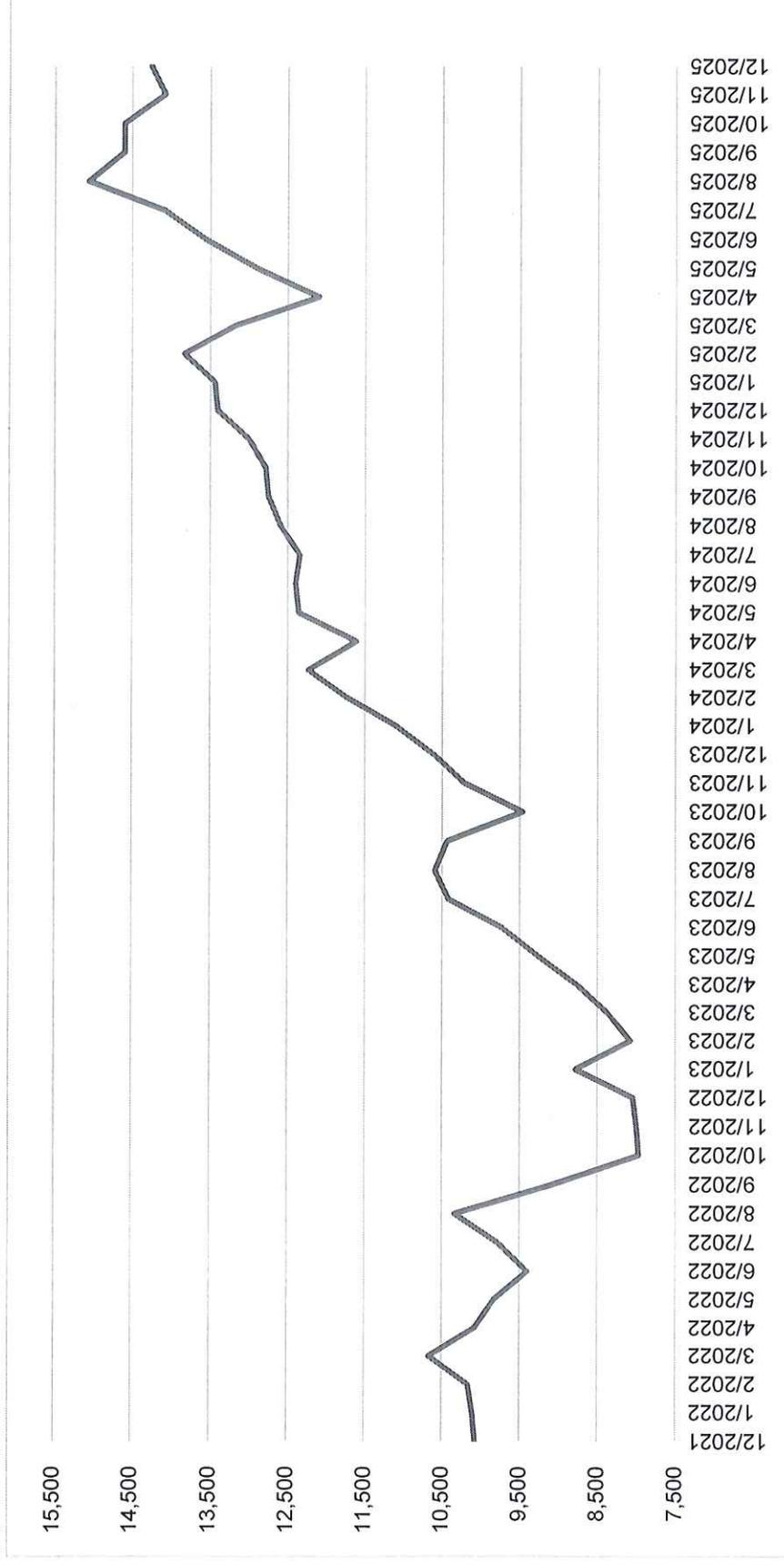
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	16.567	12.172.140,51	20,05
Từ 5.000 đến 10.000	885	6.248.168,25	10,29
Từ 10.000 đến 50.000	910	18.487.986,45	30,44
Từ 50.000 đến 500.000	147	17.140.617,05	28,22
Trên 500.000	4	6.682.767,42	11,00
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.513</b>	<b>60.731.679,68</b>	<b>100,00</b>

### 3. Chi phí ngầm và giảm giá: Không có

## V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi duy trì triển vọng tích cực đối với kinh tế Việt Nam. Các động lực tăng trưởng chính vẫn được duy trì. Chính phủ sẽ tiếp tục đẩy mạnh giải ngân đầu tư công đặc biệt trong bối cảnh nợ công mới chỉ ở mức 34,7% GDP<sup>1</sup>. Trong giai đoạn 5 năm tới (2026–2030), tổng vốn đầu tư phát triển dự kiến đạt khoảng 8,5 triệu tỷ đồng, cao hơn đáng kể so với mức giải ngân ước tính khoảng 3,4 triệu tỷ đồng trong giai đoạn 2021–2025<sup>2</sup>. Đầu tư hạ tầng sẽ thúc đẩy sự phát triển của nhiều khu vực kinh tế - xã hội, trong đó có du lịch – ngành vốn đang phát triển mạnh mẽ. Ngành du lịch Việt Nam đã đón 21,1 triệu lượt khách quốc tế trong năm, tăng 20,4% so với cùng kỳ và đặt kế hoạch thu hút 25 triệu lượt khách quốc tế vào năm 2026<sup>3</sup>. Cơ sở hạ tầng phát triển và môi trường chính trị ổn định sẽ tiếp tục thu hút các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Chúng tôi kỳ vọng tiêu dùng nội địa sẽ phục hồi rõ rệt hơn từ năm 2026. Các chính sách tài khóa hỗ trợ tăng trưởng - bao gồm giảm 2% thuế VAT đến hết năm 2026 và nâng mức giảm trừ gia cảnh - sẽ củng cố sức mua của người dân. Lãi suất đã nhích lên từ mức thấp nhất trong nhiều năm do nhu cầu tín dụng gia tăng, song được dự báo sẽ vẫn duy trì ở mức hỗ trợ tăng trưởng khi lạm phát được kiểm soát và áp lực tỷ giá đã suy giảm sau khi Fed hạ lãi suất vào cuối năm 2025. Hơn nữa, chủ trương hạn chế tín dụng vào lĩnh vực bất động sản của chính phủ sẽ chuyển hướng dòng vốn sang các ngành khác bao gồm sản xuất và tiêu dùng và do đó lãi suất cho vay ở các ngành này sẽ trở nên cạnh tranh hơn.

Điều quan trọng hơn, cam kết mạnh mẽ của Chính phủ trong việc phát triển hạ tầng, thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân, cải thiện hiệu quả khu vực hành chính công và thu hút vốn vào các ngành công nghệ cao sẽ tạo nền tảng vững chắc cho kinh tế tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), việc tăng đầu tư công lên 11,5% GDP trong giai đoạn 2025-2030, kết hợp với thực hiện hiệu quả các nỗ lực cải cách, có thể nâng tốc độ tăng trưởng GDP trong trung hạn của Việt Nam lên hơn 2 điểm phần trăm so với kịch bản cơ sở vào năm 2030<sup>4</sup>.

<sup>1</sup> vnexpress.vn, 24.04.2025: Nợ công 2024 gần 4,3 triệu tỷ đồng

<sup>2</sup> baochinhpvu.vn, 20.10.2025: Chính phủ dự kiến 8,5 triệu tỷ đồng cho đầu tư phát triển và 10,6 triệu tỷ đồng cho chi thường xuyên

<sup>3</sup> vietnam.vnanet.vn, 26.01.2026: Quảng bá thương hiệu du lịch Việt Nam để đón được 25 triệu lượt khách quốc tế năm 2026

<sup>4</sup> IMF Country Report No. 25/283 on Vietnam, tháng 10 2025

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Chúng tôi lưu ý rằng căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, đặc biệt liên quan đến Mỹ, Israel và Iran, có thể tạo ra rủi ro đối với triển vọng kinh tế vĩ mô toàn cầu. Bất kỳ sự leo thang nào làm gián đoạn các tuyến cung ứng năng lượng đều có thể đẩy giá dầu, khí và các sản phẩm lọc dầu tăng cao, từ đó gây áp lực lạm phát trên phạm vi toàn cầu. Tuy nhiên, kinh nghiệm trong quá khứ cho thấy các đợt tăng giá năng lượng do xung đột địa chính trị thường sẽ quay về trạng thái bình thường khi căng thẳng hạ nhiệt và điều kiện cung ứng được ổn định trở lại. Do vậy, mặc dù xung đột có thể khiến lạm phát và thị trường tài chính biến động trong ngắn hạn, chúng tôi cho rằng tác động này mang tính tạm thời hơn là mang tính cấu trúc.

Tổng thể, triển vọng tăng trưởng trong dài hạn của Việt Nam là tích cực cho thị trường cổ phiếu. Chỉ số VN-Index tăng mạnh 40,9% trong năm 2025 và đang giao dịch ở mức 15,9 lần lợi nhuận 12 tháng gần nhất, cao hơn mức bình quân trung vị 10 năm là 14,5 lần<sup>5</sup>. Tuy nhiên, gần 35% của mức tăng của VN-Index đến từ cổ phiếu VIC của Tập đoàn Vingroup. Nếu loại trừ cổ phiếu VIC, định giá P/E của VN-Index sẽ hấp dẫn hơn, ước tính ở mức 12,9 lần vào cuối năm 2025<sup>6</sup>. Hơn nữa, định giá thị trường dựa trên lợi nhuận tương lai sẽ trở nên hấp dẫn hơn vì các chính sách hỗ trợ tăng trưởng sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp mở rộng kinh doanh và tăng trưởng lợi nhuận.

## VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Bà Phạm Thanh Huyền  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

<sup>5</sup> FTSE Workspace, 31.12.2025

<sup>6</sup> FiinPro, 31.12.2025

118  
IG T  
NH  
& Y  
TN  
CH



## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF (“Quỹ” hoặc “VCBF-MGF”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ, Sổ tay định giá đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và các văn bản pháp luật liên quan.
- Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận và không chi trả cổ tức cho nhà đầu tư.

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**



**Nguyễn Thuỳ Linh**

**Phó phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ**

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**

**Vũ Minh Hiền**

**Nhân viên phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ**



Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

Số tham chiếu: 12906604/E-69110639

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF (“Quỹ”) được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 16 đến trang 67 bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ*

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Shape the future  
with confidence

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiến Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1

Nguyễn Văn Trung  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3847-2026-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>01</b>	<b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>76.858.724.515</b>	<b>114.783.881.696</b>
02	1.1 Cổ tức được chia		19.370.962.900	10.835.663.830
03	1.2 Tiền lãi được nhận	13	21.049.165	167.634.716
04	1.3 Lãi từ bán các khoản đầu tư	14	19.331.875.162	20.721.602.000
05	1.4 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	38.134.837.288	83.058.981.150
<b>10</b>	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>		<b>653.098.523</b>	<b>347.692.938</b>
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	15	653.098.523	347.692.938
<b>20</b>	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>		<b>17.302.705.807</b>	<b>10.522.133.814</b>
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	23.1	15.418.484.185	9.039.985.453
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	16	397.763.449	235.013.897
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	23.2	357.059.627	227.560.623
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	23.2	496.156.825	448.800.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		134.200.000	132.000.000
20.7	3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		216.122.908	157.745.987
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		149.040.000	142.560.000
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	17	133.878.813	138.467.854
<b>23</b>	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>58.902.920.185</b>	<b>103.914.054.944</b>
<b>30</b>	<b>V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>58.902.920.185</b>	<b>103.914.054.944</b>
31	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		20.768.082.897	20.855.073.794
32	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	5	38.134.837.288	83.058.981.150
<b>40</b>	<b>VI. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>		-	-
<b>41</b>	<b>VII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>58.902.920.185</b>	<b>103.914.054.944</b>

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:  
Bà Nguyễn Mai Hoa  
Phó phòng Dịch vụ Quỹ và  
Danh mục

Người duyệt:  
Bà Trần Thị Hà Linh  
Kế toán Trưởng



Người duyệt:  
Bà Phạm Thanh Huyền  
Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
<b>100</b>	<b>I. TÀI SẢN</b>			
<b>110</b>	<b>1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>12.958.855.168</b>	<b>31.376.825.925</b>
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		12.958.855.168	31.376.825.925
<b>120</b>	<b>2. Các khoản đầu tư thuần</b>		<b>858.306.891.600</b>	<b>585.923.064.150</b>
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	858.306.891.600	585.923.064.150
121.1	2.1.1 Cổ phiếu		858.306.891.600	585.236.458.650
121.2	2.1.2 Quyền mua chứng khoán		-	686.605.500
<b>130</b>	<b>3. Các khoản phải thu</b>		-	<b>541.598.000</b>
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		-	541.598.000
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	-	541.598.000
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>871.265.746.768</b>	<b>617.841.488.075</b>
<b>300</b>	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư		716.823.625	-
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	23.1	791.986.429	409.566.597
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		72.453.791	42.352.647
316	4. Chi phí phải trả	7	101.520.000	27.000.000
317	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về phát hành chứng chỉ quỹ	8	904.239.613	2.134.648.676
318	6. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	9	1.436.279.765	795.299.797
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	10	1.489.042.162	953.425.659
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.512.345.385</b>	<b>4.362.293.376</b>
<b>400</b>	<b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ</b>		<b>865.753.401.383</b>	<b>613.479.194.699</b>
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		607.316.796.800	457.748.664.200
412	1.1 Vốn góp phát hành	11	1.128.388.387.200	710.048.058.000
413	1.2 Vốn góp mua lại	11	(521.071.590.400)	(252.299.393.800)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		77.270.166.554	33.467.012.655
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	12	181.166.438.029	122.263.517.844
<b>430</b>	<b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	<b>11</b>	<b>14.255,38</b>	<b>13.402,09</b>

11802-C  
 CÔNG TY  
 TNHH  
 & YOUNG  
 F NAM  
 5 HỒ CHÍ MINH

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm Chứng chỉ quỹ	Số đầu năm Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	19	60.731.679,68	45.774.866,42

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Người lập:  
Bà Nguyễn Mai Hoa  
Phó phòng Dịch vụ Quỹ và  
Danh mục

Người duyệt:  
Bà Trần Thị Hà Linh  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:  
Bà Phạm Thanh Huyền  
Phó Tổng Giám đốc



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-QM

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
I	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm</b>	<b>613.479.194.699</b>	<b>322.992.936.587</b>
II	<b>Thay đổi NAV so với năm trước</b>	<b>58.902.920.185</b>	<b>103.914.054.944</b>
II.1	<i>Trong đó:</i> - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	58.902.920.185	103.914.054.944
III	<b>Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ</b>	<b>193.371.286.499</b>	<b>186.572.203.168</b>
III.1	<i>Trong đó:</i> - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	565.623.615.824	328.843.788.806
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(372.252.329.325)	(142.271.585.638)
IV	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm</b>	<b>865.753.401.383</b>	<b>613.479.194.699</b>

Hà Nội, Việt Nam  
 Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Người lập:  
 Bà Nguyễn Mai Hoa  
 Phó phòng Dịch vụ Quỹ và  
 Danh mục

Người duyệt:  
 Bà Trần Thị Hà Linh  
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:  
 Bà Phạm Thanh Huyền  
 Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (%)
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>23.858.533</b>		<b>858.306.891.600</b>	<b>98,51</b>
1	ACB	1.583.326	24.000	37.999.824.000	4,36
2	AST	38.300	77.000	2.949.100.000	0,33
3	BVH	646.300	56.800	36.709.840.000	4,21
4	BWE	918.960	47.400	43.558.704.000	5,00
5	CTD	390.869	76.000	29.706.044.000	3,41
6	CTR	310.600	85.300	26.494.180.000	3,04
7	DBD	388.162	48.800	18.942.305.600	2,17
8	DGW	804.400	39.000	31.371.600.000	3,60
9	FOX	137.500	63.500	8.731.250.000	1,00
1	FPT	539.942	95.800	51.726.443.600	5,94
11	GMD	260.800	61.000	15.908.800.000	1,83
12	HAX	400.487	10.400	4.165.064.800	0,47
13	HCM	1.424.452	22.400	31.907.724.800	3,66
14	HPG	1.062.132	26.400	28.040.284.800	3,22
15	IJC	1.438.333	10.750	15.462.079.750	1,77
16	LHG	463.100	28.850	13.360.435.000	1,53
17	MBB	2.683.884	25.300	67.902.265.200	7,80
18	MCM	208.800	26.350	5.501.880.000	0,63
19	MIG	887.756	17.750	15.757.669.000	1,81
20	MSB	1.206.396	12.400	14.959.310.400	1,72
21	MWG	538.000	88.400	47.559.200.000	5,46
22	NLG	921.080	30.450	28.046.886.000	3,22
23	PC1	641.734	22.550	14.471.101.700	1,66
24	PNJ	585.733	97.000	56.816.101.000	6,52
25	PVS	918.274	34.300	31.496.798.200	3,62
26	REE	251.021	61.000	15.312.281.000	1,76
27	SAS	259.800	31.500	8.183.700.000	0,94
28	SGN	140.800	59.300	8.349.440.000	0,96
29	SIP	150.000	52.600	7.890.000.000	0,91
30	STB	1.191.300	58.000	69.095.400.000	7,93
31	SZC	148.400	29.150	4.325.860.000	0,50
32	THG	248.238	46.550	11.555.478.900	1,33
33	TLG	541.893	49.700	26.932.082.100	3,09
34	VIB	1.527.761	17.750	27.117.757.750	3,11

1180  
 NG T  
 TNHH  
 T & Y  
 T N  
 HỒ

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (%)
<b>II</b>	<b>Tiền</b>			<b>12.958.855.168</b>	<b>1,49</b>
1	Tiền gửi ngân hàng			12.958.855.168	1,49
1.1	- Tiền gửi thanh toán			12.958.855.168	1,49
<b>III</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>871.265.746.768</b>	<b>100,00</b>

Hà Nội, Việt Nam  
 Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Người lập:  
 Bà Nguyễn Mai Hoa  
 Phó phòng Dịch vụ Quỹ và  
 Danh mục

Người duyệt:  
 Bà Trần Thị Hà Linh  
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:  
 Bà Phạm Thanh Huyền  
 Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		58.902.920.185	103.914.054.944
02	2. Điều chỉnh cho các khoản giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(38.060.317.288)	(83.130.261.150)
	Trong đó:			
03	Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(38.134.837.288)	(83.058.981.150)
04	Chi phí trích trước		74.520.000	(71.280.000)
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		20.842.602.897	20.783.793.794
20	Tăng các khoản đầu tư		(234.248.990.162)	(184.327.905.000)
07	Giảm/(tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		541.598.000	(156.893.252)
10	Tăng phải trả cho người bán		716.823.625	-
11	Tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		382.419.832	409.566.597
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		30.101.144	42.352.647
14	(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về phát hành chứng chỉ quỹ		(1.230.409.063)	1.410.235.223
15	Tăng phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		640.979.968	795.299.797
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		-	27.000.000
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		535.616.503	610.936.915
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(211.789.257.256)	(160.405.613.279)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	11	565.623.615.824	328.843.788.806
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	11	(372.252.329.325)	(142.271.585.638)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		193.371.286.499	186.572.203.168
40	<b>III. (GIẢM)/TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>		(18.417.970.757)	26.166.589.889

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
<b>50</b>	<b>IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>4</b>	<b>31.376.825.925</b>	<b>5.210.236.036</b>
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		31.376.825.925	5.210.236.036
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		23.729.642.948	4.485.822.583
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ</i>		23.729.642.948	2.456.079.841
	<i>Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới ba (3) tháng</i>		-	2.029.742.742
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ		7.647.182.977	724.413.453
<b>55</b>	<b>V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>4</b>	<b>12.958.855.168</b>	<b>31.376.825.925</b>
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		12.958.855.168	31.376.825.925
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		11.909.905.980	23.729.642.948
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ</i>		11.909.905.980	23.729.642.948
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ		1.048.949.188	7.647.182.977
<b>60</b>	<b>VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG NĂM</b>		<b>(18.417.970.757)</b>	<b>26.166.589.889</b>

Hà Nội, Việt Nam  
 Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Người lập:  
 Bà Nguyễn Mai Hoa  
 Phó phòng Dịch vụ Quỹ và  
 Danh mục



Người duyệt:  
 Bà Trần Thị Hà Linh  
 Kế toán Trưởng



Người duyệt:  
 Bà Phạm Thanh Huyền  
 Phó Tổng Giám đốc

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

### 1.1 Thông tin về Quỹ

#### Quỹ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 152/GCN-UBCK ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 48/GCN-UBCK ngày 2 tháng 12 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

#### Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

#### Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 1 năm 2026. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày 28 tháng 1 năm 2026 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

#### Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 15.299.243,34 chứng chỉ với tổng giá trị là 152.992.433.400 đồng, chiếm 305,98% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 607.316.796.800 VNĐ, tương đương với 60.731.679,68 chứng chỉ quỹ.

#### Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ chủ yếu là tăng trưởng tài sản đầu tư trong trung hạn và dài hạn thông qua phân bổ tỷ trọng đa số vào các cổ phiếu của các công ty có vốn hóa vừa và có tiềm năng tăng trưởng cao. Việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư của Quỹ cần phải được Nhà đầu tư biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều lệ Quỹ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch của Quỹ.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Chiến lược đầu tư

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào danh mục đa dạng các cổ phiếu thỏa mãn các điều kiện được quy định về Phân bổ tài sản nhằm giảm thiểu rủi ro cho Quỹ.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, Quỹ đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các công ty đầu ngành và các công ty có triển vọng trở thành công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của công ty, Quỹ sẽ xem xét liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.

Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên tức là từ phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư của Quỹ là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu.

#### Kỳ tính giá trị tài sản ròng (“NAV”)

Từ tháng 1 đến tháng 11 năm 2025, NAV của Quỹ phải được xác định hàng tuần vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Từ tháng 12 năm 2025, NAV của Quỹ phải được xác định vào tất cả các Ngày Giao Dịch và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

#### Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Từ tháng 1 đến tháng 11 năm 2025, tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Ba, thứ Năm hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Ba, thứ Năm không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc vào thứ Ba, thứ Năm tiếp theo.

Từ tháng 12 năm 2025, tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là các ngày làm việc từ thứ Hai đến thứ Sáu trong tuần, ngoại trừ ngày làm việc bù rơi vào ngày thứ Bảy và/hoặc Chủ nhật.

#### Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Luật hiện hành. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc và các hạn mức đầu tư sau:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản gồm: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật; không áp dụng đối với quỹ Trái phiếu;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
  - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
  - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ:
- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
  - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
  - Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
  - Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- e) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ, trừ trường hợp quỹ Trái phiếu. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản dưới đây (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ:
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
  - Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
  - Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
  - Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

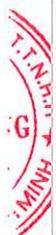
- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ VCBF - MGF;
- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
  - i. Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - ii. Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - iii. Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành, trừ trường hợp quỹ trái phiếu;
- l) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Khoản (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (i) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- (i) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (ii) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- (iii) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- (iv) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- (v) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư vì các lý do quy định tại điểm (i), (ii), (iii), (iv) nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định bởi pháp luật hoặc Điều lệ hoặc Bản cáo bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận đã có được cho Quỹ.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

- (i) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
- (ii) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- (iii) Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận.
- (iv) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.4*).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VNĐ").

### 2.5 *Cam kết tuân thủ*

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

### 2.6 *Quy định mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 136/2025/TT-BTC ("Thông tư 136") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư 136 có hiệu lực từ ngày 12 tháng 2 năm 2026.

Công ty Quản lý Quỹ đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 136 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ và sẽ áp dụng Thông tư 136 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 *Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Quỹ sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### 3.2 *Ước tính kế toán*

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3.3 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua, mua lại chứng chỉ quỹ chờ xử lý, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng.

#### *Nguyên tắc phân loại*

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

#### *Ghi nhận tiếp theo*

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính.

#### *Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ (được chi tiết trong sổ tay định giá).
<b>Trái phiếu</b>		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá), hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá; hoặc giá trái phiếu có biến động bất thường (được chi tiết trong sổ tay định giá), là một trong các mức giá sau:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc</li> <li>+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế.</li> </ul> </li> </ul> Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Trái phiếu (tiếp theo)</b>		
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc</li> <li>- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>- Mệnh giá cộng lãi lũy kế.</li> <li>- Trường hợp trái phiếu chính phủ/trái phiếu chính phủ bảo lãnh/trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.</li> </ul>
<b>Cổ phiếu</b>		
8.	Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá) hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá sau:                         <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc</li> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách.</li> <li>+ Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.</li> </ul> </li> </ul>
9.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc</li> <li>- Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>- Mệnh giá</li> </ul>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG** (tiếp theo)

**3.4 Các khoản đầu tư** (tiếp theo)

*Nguyên tắc định giá* (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Cổ phiếu</b> (tiếp theo)		
10.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- 80% (tám mươi phần trăm) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>
11.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám Sát.</li> <li>- Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc</li> <li>+ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách.</li> </ul> </li> </ul>
12.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = $\text{Max} \{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{Giá phát hành cổ phiếu mới}) \times \text{tỷ lệ thực hiện quyền}\}$ Trong đó: Tỷ lệ thực hiện quyền = $\frac{\text{Số cổ phiếu được mua}}{\text{Số lượng quyền mua sở hữu}}$

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Nguyên tắc định giá (tiếp theo)*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Các tài sản khác</b>		
13.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá), ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:                         <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá NAV/đơn vị quỹ của quỹ đại chúng được công bố bởi công ty quản lý quỹ đại chúng đó tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày Định Giá;</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>
14.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là giá NAV/đơn vị quỹ của quỹ đại chúng được công bố bởi công ty quản lý quỹ đại chúng đó tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày Định Giá;</li> <li>- Trong trường hợp không xác định được giá NAV, mức giá được xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>
15.	Các tài sản được phép đầu tư khác	<p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.</li> </ul>

**Chấm dứt ghi nhận**

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quý đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.5 *Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ*

Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (2) số thập phân.

### 3.6 *Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn*

#### 3.6.1 *Vốn chủ sở hữu*

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

#### 3.6.2 *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối*".

#### 3.6.3 *Lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư*

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "*Lợi nhuận chưa phân phối*" vào cuối năm.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm.

Mức trích lập dự phòng được thực hiện như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

### 3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua bán chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

### 3.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

#### 3.9.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng

Giá dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán bao gồm Giá dịch vụ quản lý quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ, Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính. Trong mọi trường hợp, tổng Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ, Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ không được vượt quá hạn mức theo quy định của pháp luật.

##### (i) Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ hằng năm tối đa sẽ là 1,9% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Mức giá dịch vụ quản lý quỹ cụ thể sẽ được VCBF công bố tùy theo từng thời điểm trên website của mình.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

#### 3.9.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng (tiếp theo)

##### (ii) Giá dịch vụ quản trị quỹ

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% (năm điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 31.000.000 VNĐ (ba mươi mốt triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% (năm điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 42.000.000 (bốn mươi hai triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 31.000.000 VNĐ (ba mươi mốt triệu đồng) một tháng được áp dụng cho ba tháng đầu tiên được tính từ khi Quỹ bắt đầu áp dụng tần suất giao dịch hàng ngày. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có). Giá dịch vụ quản trị quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

##### (iii) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 VNĐ (mười triệu đồng) một tháng đối với trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần và 12.000.000 VNĐ (mười hai triệu đồng) một tháng đối với trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán định kỳ theo thỏa thuận với Đại Lý Chuyển Nhượng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Phù hợp với quy định pháp luật, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng có thể được thay đổi theo thỏa thuận giữa Công ty quản lý quỹ và Đại lý chuyển nhượng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

##### (iv) Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính

Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 VNĐ (ba mươi sáu triệu đồng) một năm, tương đương với 3.000.000 VNĐ (ba triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

#### 3.9.2 Giá dịch vụ giám sát

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, Giá dịch vụ Ngân Hàng Giám Sát là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 16.000.000 VNĐ (mười sáu triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ Ngân Hàng Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Giá dịch vụ ngân hàng giám sát trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

#### 3.9.2 Giá dịch vụ giám sát (tiếp theo)

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 18.000.000 VNĐ (mười tám triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 16.000.000 VNĐ (mười sáu triệu đồng) một tháng được áp dụng cho ba tháng đầu tiên được tính từ khi Quỹ bắt đầu áp dụng tần suất giao dịch hàng ngày. Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Giá dịch vụ ngân hàng giám sát trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có). Giá dịch vụ giám sát được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

#### 3.9.3 Giá dịch vụ lưu ký

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, Giá dịch vụ lưu ký là 0,03% (ba điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 11.000.000 VNĐ (mười một triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ lưu ký, chưa bao gồm chi phí giao dịch và đăng ký cho các giao dịch chứng khoán, được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Giá dịch vụ lưu ký trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, Giá dịch vụ lưu ký là 0,03% (ba điểm cơ bản) một năm áp dụng cho NAV dưới 1.000 tỷ đồng/năm và 0,02% (hai điểm cơ bản) một năm áp dụng cho NAV từ 1.000 tỷ đồng/năm trở lên, với mức tối thiểu là 12.000.000 VNĐ (mười hai triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 11.000.000 VNĐ (mười một triệu đồng) một tháng được áp dụng cho ba tháng đầu tiên được tính từ khi Quỹ bắt đầu áp dụng tần suất giao dịch hàng ngày. Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Giá dịch vụ lưu ký trên chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch và đăng ký cho các giao dịch chứng khoán, thuế giá trị gia tăng (nếu có).

#### 3.9.4 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ (hai trăm hai mươi nghìn đồng)/trên mỗi giao dịch. Giá dịch vụ giao dịch trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

### 3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quỹ chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

#### Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.10 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

#### *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

### 3.11 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

#### *Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài Chính ban hành ("Thông tư 25").

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

#### *Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

### 3.13 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

### 3.14 Công cụ tài chính

*Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày*

#### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, không bao gồm các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, và các khoản phải thu khác.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả, phải nộp khác.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.14 Công cụ tài chính (tiếp theo)

*Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Quý sử dụng phương pháp và các giả định như tại *Thuyết minh* 23 để ước tính giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quý có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

### 3.15 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

## 4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	11.909.905.980	23.729.642.948
Tiền gửi của nhà đầu tư về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	1.048.949.188	7.647.182.977
	<b>12.958.855.168</b>	<b>31.376.825.925</b>



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**6. DỰ THU CỔ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN**

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Dự thu cổ tức	-	<b>541.598.000</b>

**7. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	27.000.000	27.000.000
Phí kiểm toán	74.520.000	-
	<b>101.520.000</b>	<b>27.000.000</b>

**8. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ**

Là khoản tiền nhà đầu tư nộp phát hành chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

**9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ**

Là khoản tiền đang chờ hoàn thành thủ tục thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính.

**10. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ**

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	1.377.272.601	863.044.151
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	43.168.418	37.400.000
Phải trả dịch vụ giám sát	31.894.734	22.345.762
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	21.746.409	15.235.746
Phải trả dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	13.200.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	1.760.000	4.400.000
	<b>1.489.042.162</b>	<b>953.425.659</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

11. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số dư đầu năm VNĐ	Phát sinh trong năm VNĐ	Số dư cuối năm VNĐ
<b>Vốn góp phát hành</b>			
Số lượng ( <i>chứng chỉ quỹ</i> )	71.004.805,80	41.834.032,92	112.838.838,72
Giá trị ghi theo mệnh giá	710.048.058.000	418.340.329.200	1.128.388.387.200
Thặng dư vốn	56.169.942.110	147.283.286.624	203.453.228.734
<b>Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ</b>	<b>766.218.000.110</b>	<b>565.623.615.824</b>	<b>1.331.841.615.934</b>
<b>Vốn góp mua lại</b>			
Số lượng ( <i>chứng chỉ quỹ</i> )	(25.229.939,38)	(26.877.219,66)	(52.107.159,04)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(252.299.393.800)	(268.772.196.600)	(521.071.590.400)
Thặng dư vốn	(22.702.929.455)	(103.480.132.725)	(126.183.062.180)
<b>Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ</b>	<b>(275.002.323.255)</b>	<b>(372.252.329.325)</b>	<b>(647.254.652.580)</b>
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành</b>	<b>45.774.866,42</b>	<b>14.956.813,26</b>	<b>60.731.679,68</b>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>	<b>491.215.676.855</b>	<b>193.371.286.499</b>	<b>684.586.963.354</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>122.263.517.844</b>	<b>58.902.920.185</b>	<b>181.166.438.029</b>
<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ</b>	<b>613.479.194.699</b>		<b>865.753.401.383</b>
<b>Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ</b>	<b>13.402,09</b>		<b>14.255,38</b>

12. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Lợi nhuận đã thực hiện	46.027.576.179	25.259.493.282
Lợi nhuận chưa thực hiện	135.138.861.850	97.004.024.562
	<b>181.166.438.029</b>	<b>122.263.517.844</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

13. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	-	144.538.909
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	21.049.165	23.095.807
	<b>21.049.165</b>	<b>167.634.716</b>

14. LÃI TỪ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay		
	Tổng giá trị bán trong năm VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lãi bán chứng khoán trong năm VNĐ
Cổ phiếu	<b>126.141.620.000</b>	<b>106.809.744.838</b>	<b>19.331.875.162</b>
	Năm trước		
	Tổng giá trị bán trong năm VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lãi bán chứng khoán trong năm VNĐ
Cổ phiếu	<b>40.587.952.000</b>	<b>19.866.350.000</b>	<b>20.721.602.000</b>

15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	465.546.354	286.725.679
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	186.696.239	60.881.928
Chi phí thanh toán bù trừ cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	855.930	85.331
	<b>653.098.523</b>	<b>347.692.938</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong năm 2025, giao dịch của Quỹ thực hiện qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên công ty chứng khoán	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Tỷ lệ giao dịch qua công ty chứng khoán trong năm (%)	Phí giao dịch bình quân (%)	Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%)
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VNĐ	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ (*) VNĐ			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)/(5)	(7)	(8)
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	Không liên quan	95.846.990.000	450.856.385.000	21,27	0,15	0,00 - 0,45
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	93.889.405.000	450.856.385.000	20,82	0,14	0,00 - 0,45
3	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Có liên quan	40.651.725.000	450.856.385.000	9,02	0,15	0,00 - 0,45
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Không liên quan	98.079.115.000	450.856.385.000	21,75	0,15	0,00 - 0,45
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Không liên quan	85.005.775.000	450.856.385.000	18,85	0,15	0,00 - 0,45
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	Không liên quan	29.306.085.000	450.856.385.000	6,50	0,10	0,00 - 0,45
7	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Không liên quan	8.077.290.000	450.856.385.000	1,79	0,15	0,00 - 0,45
	<b>Tổng</b>		<b>450.856.385.000</b>		<b>100,00</b>		

(\*) Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ có tính đến toàn bộ giao dịch của chứng khoán niêm yết và không niêm yết

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**16. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ**

	<i>Năm nay</i> <i>VNĐ</i>	<i>Năm trước</i> <i>VNĐ</i>
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	245.481.792	150.802.836
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	87.120.000	47.740.000
Giá dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở phải trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam	65.161.657	36.471.061
	<b>397.763.449</b>	<b>235.013.897</b>

**17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	<i>Năm nay</i> <i>VNĐ</i>	<i>Năm trước</i> <i>VNĐ</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	120.000.000	120.000.000
Phí ngân hàng	6.378.813	10.967.854
Phí thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	7.500.000	7.500.000
	<b>133.878.813</b>	<b>138.467.854</b>



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
<b>Kỳ Cuối Tháng 12/2024</b>	<b>613.479.194.699</b>	<b>45.774.866,42</b>	<b>13.402,09</b>	
Kỳ 1 Tháng 1/2025	613.443.696.868	45.774.866,42	13.401,32	(0,77)
Kỳ 2 Tháng 1/2025	603.004.038.674	45.892.796,50	13.139,40	(261,92)
Kỳ 3 Tháng 1/2025	613.012.329.959	46.641.637,75	13.143,02	3,62
Kỳ 4 Tháng 1/2025	612.248.239.131	47.035.640,60	13.016,68	(126,34)
Kỳ 5 Tháng 1/2025	621.479.155.847	47.688.741,18	13.031,98	15,30
Kỳ 6 Tháng 1/2025	636.866.578.875	48.227.694,38	13.205,41	173,43
Kỳ 7 Tháng 1/2025	642.231.996.986	48.643.728,29	13.202,77	(2,64)
Kỳ 8 Tháng 1/2025	657.299.567.535	48.905.069,89	13.440,31	237,54
<b>Kỳ Cuối Tháng 1/2025</b>	<b>657.223.832.204</b>	<b>48.905.069,89</b>	<b>13.438,76</b>	<b>(1,55)</b>
Kỳ 1 Tháng 2/2025	651.473.381.282	48.905.069,89	13.321,18	(117,58)
Kỳ 2 Tháng 2/2025	667.535.955.719	49.322.289,35	13.534,16	212,98
Kỳ 3 Tháng 2/2025	669.593.302.334	49.743.907,91	13.460,81	(73,35)
Kỳ 4 Tháng 2/2025	686.320.449.674	50.785.663,57	13.514,05	53,24
Kỳ 5 Tháng 2/2025	693.228.613.540	51.260.619,71	13.523,60	9,55
Kỳ 6 Tháng 2/2025	708.736.742.224	51.775.340,51	13.688,69	165,09
Kỳ 7 Tháng 2/2025	721.310.724.460	52.215.462,52	13.814,12	125,43
Kỳ 8 Tháng 2/2025	733.809.880.905	53.010.279,86	13.842,78	28,66
<b>Kỳ Cuối Tháng 2/2025</b>	<b>740.040.745.316</b>	<b>53.498.268,80</b>	<b>13.832,98</b>	<b>(9,80)</b>
Kỳ 1 Tháng 3/2025	740.804.178.416	53.498.268,80	13.847,25	14,27
Kỳ 2 Tháng 3/2025	750.513.369.298	54.558.076,30	13.756,22	(91,03)
Kỳ 3 Tháng 3/2025	777.096.486.924	55.777.983,01	13.931,95	175,73
Kỳ 4 Tháng 3/2025	784.415.337.727	56.748.726,38	13.822,60	(109,35)
Kỳ 5 Tháng 3/2025	768.978.491.182	56.761.402,11	13.547,55	(275,05)
Kỳ 6 Tháng 3/2025	772.011.153.101	57.481.063,51	13.430,70	(116,85)
Kỳ 7 Tháng 3/2025	785.444.605.272	58.510.889,46	13.423,90	(6,80)
Kỳ 8 Tháng 3/2025	793.894.907.994	59.453.534,42	13.353,19	(70,71)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
<b>Kỳ Cuối Tháng 3/2025</b>	<b>793.838.351.841</b>	<b>60.252.424,04</b>	<b>13.175,21</b>	<b>(177,98)</b>
Kỳ 1 Tháng 4/2025	788.676.135.201	59.808.500,61	13.186,68	11,47
Kỳ 2 Tháng 4/2025	720.959.228.180	60.482.581,75	11.920,11	(1.266,57)
Kỳ 3 Tháng 4/2025	653.837.155.125	60.618.476,32	10.786,10	(1.134,01)
Kỳ 4 Tháng 4/2025	734.719.037.873	60.657.286,81	12.112,62	1.326,52
Kỳ 5 Tháng 4/2025	735.382.329.348	62.310.066,64	11.801,98	(310,64)
Kỳ 6 Tháng 4/2025	749.266.290.782	62.816.628,66	11.927,83	125,85
Kỳ 7 Tháng 4/2025	751.883.324.000	62.991.090,67	11.936,34	8,51
Kỳ 8 Tháng 4/2025	761.244.009.219	63.087.463,53	12.066,48	130,14
<b>Kỳ Cuối Tháng 4/2025</b>	<b>764.588.575.046</b>	<b>63.226.230,50</b>	<b>12.092,90</b>	<b>26,42</b>
Kỳ 1 Tháng 5/2025	774.242.363.165	63.226.230,50	12.245,58	152,68
Kỳ 2 Tháng 5/2025	779.647.577.023	63.475.814,39	12.282,59	37,01
Kỳ 3 Tháng 5/2025	800.411.400.792	63.735.705,26	12.558,28	275,69
Kỳ 4 Tháng 5/2025	823.790.474.750	63.874.591,30	12.896,99	338,71
Kỳ 5 Tháng 5/2025	813.353.625.776	64.001.282,29	12.708,39	(188,60)
Kỳ 6 Tháng 5/2025	823.054.695.895	64.141.461,36	12.831,86	123,47
Kỳ 7 Tháng 5/2025	831.128.302.256	64.246.396,61	12.936,57	104,71
Kỳ 8 Tháng 5/2025	836.897.150.591	64.207.670,57	13.034,22	97,65
<b>Kỳ Cuối Tháng 5/2025</b>	<b>825.390.217.920</b>	<b>64.018.288,28</b>	<b>12.893,03</b>	<b>(141,19)</b>
Kỳ 1 Tháng 6/2025	827.365.830.793	64.018.288,28	12.923,89	30,86
Kỳ 2 Tháng 6/2025	831.876.997.346	63.833.411,90	13.031,99	108,10
Kỳ 3 Tháng 6/2025	820.190.565.060	63.878.733,45	12.839,80	(192,19)
Kỳ 4 Tháng 6/2025	831.607.499.493	63.900.931,97	13.014,01	174,21
Kỳ 5 Tháng 6/2025	855.805.001.637	64.084.300,56	13.354,36	340,35
Kỳ 6 Tháng 6/2025	856.462.699.800	64.048.192,03	13.372,16	17,80
Kỳ 7 Tháng 6/2025	849.129.162.845	63.642.740,77	13.342,12	(30,04)
Kỳ 8 Tháng 6/2025	840.059.916.227	62.762.210,49	13.384,80	42,68

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
<b>Kỳ Cuối Tháng 6/2025</b>	<b>848.007.530.758</b>	<b>62.534.665,35</b>	<b>13.560,59</b>	<b>175,79</b>
Kỳ 1 Tháng 7/2025	856.088.429.372	62.595.175,53	13.676,58	115,99
Kỳ 2 Tháng 7/2025	862.354.786.788	62.622.625,89	13.770,65	94,07
Kỳ 3 Tháng 7/2025	875.807.145.107	62.929.723,60	13.917,22	146,57
Kỳ 4 Tháng 7/2025	885.115.609.674	62.918.156,63	14.067,72	150,50
Kỳ 5 Tháng 7/2025	889.446.727.640	63.127.875,21	14.089,60	21,88
Kỳ 6 Tháng 7/2025	884.409.628.091	62.659.973,68	14.114,42	24,82
Kỳ 7 Tháng 7/2025	891.045.179.901	62.484.587,48	14.260,23	145,81
Kỳ 8 Tháng 7/2025	906.662.276.308	62.416.403,13	14.526,02	265,79
Kỳ 9 Tháng 7/2025	878.041.479.013	62.339.437,81	14.084,84	(441,18)
<b>Kỳ Cuối Tháng 7/2025</b>	<b>872.961.125.920</b>	<b>62.033.571,71</b>	<b>14.072,39</b>	<b>(12,45)</b>
Kỳ 1 Tháng 8/2025	882.911.448.834	62.033.571,71	14.232,80	160,41
Kỳ 2 Tháng 8/2025	905.771.332.507	62.202.698,84	14.561,60	328,80
Kỳ 3 Tháng 8/2025	922.536.749.693	62.123.624,68	14.850,01	288,41
Kỳ 4 Tháng 8/2025	925.724.290.449	61.562.798,59	15.037,07	187,06
Kỳ 5 Tháng 8/2025	920.748.668.384	61.111.375,80	15.066,73	29,66
Kỳ 6 Tháng 8/2025	894.053.441.643	59.801.681,27	14.950,30	(116,43)
Kỳ 7 Tháng 8/2025	851.661.066.419	59.173.945,76	14.392,50	(557,80)
Kỳ 8 Tháng 8/2025	880.760.911.086	58.803.107,95	14.978,13	585,63
<b>Kỳ Cuối Tháng 8/2025</b>	<b>884.255.449.408</b>	<b>58.715.687,16</b>	<b>15.059,95</b>	<b>81,82</b>
Kỳ 1 Tháng 9/2025	890.275.111.832	58.715.687,16	15.162,47	102,52
Kỳ 2 Tháng 9/2025	865.848.382.570	58.797.564,37	14.725,92	(436,55)
Kỳ 3 Tháng 9/2025	869.996.970.454	58.820.779,69	14.790,63	64,71
Kỳ 4 Tháng 9/2025	896.054.367.830	58.971.308,65	15.194,75	404,12
Kỳ 5 Tháng 9/2025	892.693.111.827	59.101.762,25	15.104,34	(90,41)
Kỳ 6 Tháng 9/2025	869.015.185.370	59.083.040,27	14.708,36	(395,98)
Kỳ 7 Tháng 9/2025	882.472.809.274	59.079.132,35	14.937,13	228,77

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 8 Tháng 9/2025	869.232.977.838	59.117.615,34	14.703,45	(233,68)
<b>Kỳ Cuối Tháng 9/2025</b>	<b>864.036.039.366</b>	<b>59.203.067,03</b>	<b>14.594,44</b>	<b>(109,01)</b>
Kỳ 1 Tháng 10/2025	870.613.301.756	59.203.067,03	14.705,54	111,10
Kỳ 2 Tháng 10/2025	881.441.185.217	59.333.961,46	14.855,59	150,05
Kỳ 3 Tháng 10/2025	880.553.938.585	59.422.020,63	14.818,64	(36,95)
Kỳ 4 Tháng 10/2025	886.209.355.599	59.539.213,10	14.884,46	65,82
Kỳ 5 Tháng 10/2025	873.720.811.732	59.651.292,88	14.647,13	(237,33)
Kỳ 6 Tháng 10/2025	823.031.528.691	59.359.619,09	13.865,17	(781,96)
Kỳ 7 Tháng 10/2025	860.160.187.193	60.113.485,35	14.308,93	443,76
Kỳ 8 Tháng 10/2025	861.166.897.778	60.483.540,84	14.238,03	(70,90)
Kỳ 9 Tháng 10/2025	888.458.137.035	60.573.910,69	14.667,33	429,30
<b>Kỳ Cuối Tháng 10/2025</b>	<b>884.283.107.358</b>	<b>60.585.531,46</b>	<b>14.595,61</b>	<b>(71,72)</b>
Kỳ 1 Tháng 11/2025	870.760.075.317	60.585.531,46	14.372,40	(223,21)
Kỳ 2 Tháng 11/2025	874.846.175.267	60.741.364,94	14.402,80	30,40
Kỳ 3 Tháng 11/2025	842.222.364.107	60.760.227,17	13.861,40	(541,40)
Kỳ 4 Tháng 11/2025	863.625.174.486	60.699.329,36	14.227,91	366,51
Kỳ 5 Tháng 11/2025	872.389.649.028	60.823.358,96	14.343,00	115,09
Kỳ 6 Tháng 11/2025	860.685.661.888	60.254.474,81	14.284,17	(58,83)
Kỳ 7 Tháng 11/2025	852.493.451.344	60.326.880,18	14.131,23	(152,94)
Kỳ 8 Tháng 11/2025	850.372.905.583	60.312.482,42	14.099,45	(31,78)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
<b>Kỳ Cuối Tháng 11/2025</b>	<b>849.735.135.425</b>	<b>60.366.133,34</b>	<b>14.076,35</b>	<b>(23,10)</b>
Kỳ 1 Tháng 12/2025	850.547.001.317	60.407.664,99	14.080,11	3,76
Kỳ 2 Tháng 12/2025	854.125.900.823	60.423.252,87	14.135,71	55,60
Kỳ 3 Tháng 12/2025	867.571.366.854	60.438.414,60	14.354,63	218,92
Kỳ 4 Tháng 12/2025	872.577.562.753	60.391.904,67	14.448,58	93,95
Kỳ 5 Tháng 12/2025	866.738.932.844	60.408.506,75	14.347,96	(100,62)
Kỳ 6 Tháng 12/2025	867.048.830.477	60.673.025,42	14.290,51	(57,45)
Kỳ 7 Tháng 12/2025	856.831.541.357	60.620.633,57	14.134,32	(156,19)
Kỳ 8 Tháng 12/2025	851.755.519.760	60.506.329,12	14.077,13	(57,19)
Kỳ 9 Tháng 12/2025	848.513.894.609	60.560.106,26	14.011,10	(66,03)
Kỳ 10 Tháng 12/2025	826.635.799.073	60.665.582,67	13.626,10	(385,00)
Kỳ 11 Tháng 12/2025	826.373.761.013	60.681.960,53	13.618,11	(7,99)
Kỳ 12 Tháng 12/2025	844.768.238.674	60.787.249,88	13.897,12	279,01
Kỳ 13 Tháng 12/2025	843.504.461.577	60.858.422,54	13.860,11	(37,01)
Kỳ 14 Tháng 12/2025	844.014.766.023	60.975.263,83	13.841,92	(18,19)
Kỳ 15 Tháng 12/2025	845.611.681.228	61.002.701,49	13.861,87	19,95
Kỳ 16 Tháng 12/2025	860.847.321.417	61.041.415,22	14.102,67	240,80
Kỳ 17 Tháng 12/2025	862.624.126.637	61.044.395,93	14.131,09	28,42
Kỳ 18 Tháng 12/2025	865.677.712.140	60.923.620,49	14.209,22	78,13
Kỳ 19 Tháng 12/2025	854.923.620.721	60.884.952,62	14.041,62	(167,60)
Kỳ 20 Tháng 12/2025	854.093.401.043	60.874.854,20	14.030,31	(11,31)
Kỳ 21 Tháng 12/2025	868.365.786.323	60.885.169,19	14.262,35	232,04
Kỳ 22 Tháng 12/2025	870.464.610.120	60.784.167,67	14.320,58	58,23
<b>Kỳ Cuối Tháng 12/2025</b>	<b>865.753.401.383</b>	<b>60.731.679,68</b>	<b>14.255,38</b>	<b>(65,20)</b>

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm **811.327.741.722**

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức cao nhất

1.326,52

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức thấp nhất

(0,77)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
<b>Kỳ cuối Tháng 12/2023</b>	<b>322.992.936.587</b>	<b>30.454.039,45</b>	<b>10.605,91</b>	
Kỳ 1 Tháng 1/2024	322.973.179.521	30.454.039,45	10.605,26	(0,65)
Kỳ 2 Tháng 1/2024	323.835.290.437	30.214.032,04	10.718,04	112,78
Kỳ 3 Tháng 1/2024	327.346.159.441	30.310.615,34	10.799,72	81,68
Kỳ 4 Tháng 1/2024	328.458.980.967	30.466.142,39	10.781,11	(18,61)
Kỳ 5 Tháng 1/2024	325.557.472.068	30.507.954,14	10.671,23	(109,88)
Kỳ 6 Tháng 1/2024	329.424.559.189	30.450.343,43	10.818,41	147,18
Kỳ 7 Tháng 1/2024	332.980.932.338	30.191.605,28	11.028,92	210,51
Kỳ 8 Tháng 1/2024	332.930.532.479	30.195.449,95	11.025,85	(3,07)
Kỳ 9 Tháng 1/2024	337.966.304.099	30.364.425,06	11.130,33	104,48
<b>Kỳ cuối Tháng 1/2024</b>	<b>338.212.941.777</b>	<b>30.493.261,08</b>	<b>11.091,39</b>	<b>(38,94)</b>
Kỳ 1 Tháng 2/2024	345.966.508.652	30.567.840,52	11.317,98	226,59
Kỳ 2 Tháng 2/2024	352.491.408.215	30.836.605,01	11.430,94	112,96
Kỳ 3 Tháng 2/2024	354.930.831.465	30.986.543,04	11.454,35	23,41
Kỳ 4 Tháng 2/2024	364.812.839.447	31.648.975,78	11.526,84	72,49
Kỳ 5 Tháng 2/2024	366.914.342.649	31.867.216,32	11.513,84	(13,00)
Kỳ 6 Tháng 2/2024	375.043.751.244	32.160.553,86	11.661,60	147,76
<b>Kỳ cuối Tháng 2/2024</b>	<b>380.051.864.604</b>	<b>32.412.548,01</b>	<b>11.725,45</b>	<b>63,85</b>
Kỳ 1 Tháng 3/2024	386.764.967.488	32.412.548,01	11.932,56	207,11
Kỳ 2 Tháng 3/2024	391.965.610.365	33.025.743,51	11.868,48	(64,08)
Kỳ 3 Tháng 3/2024	388.342.951.695	33.216.478,29	11.691,27	(177,21)
Kỳ 4 Tháng 3/2024	409.190.105.704	33.837.567,58	12.092,77	401,50
Kỳ 5 Tháng 3/2024	405.761.924.271	34.053.459,71	11.915,43	(177,34)
Kỳ 6 Tháng 3/2024	411.317.515.772	34.147.868,70	12.045,18	129,75
Kỳ 7 Tháng 3/2024	411.870.701.026	34.285.020,19	12.013,13	(32,05)
Kỳ 8 Tháng 3/2024	421.444.161.499	34.577.495,28	12.188,39	175,26
<b>Kỳ cuối Tháng 3/2024</b>	<b>424.928.366.340</b>	<b>34.748.094,32</b>	<b>12.228,82</b>	<b>40,43</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 4/2024	424.808.802.890	34.748.094,32	12.225,38	(3,44)
Kỳ 2 Tháng 4/2024	428.721.514.681	35.366.249,71	12.122,33	(103,05)
Kỳ 3 Tháng 4/2024	417.581.463.281	35.529.999,75	11.752,92	(369,41)
Kỳ 4 Tháng 4/2024	425.329.495.674	35.884.806,29	11.852,63	99,71
Kỳ 5 Tháng 4/2024	415.156.108.256	36.171.815,44	11.477,33	(375,30)
Kỳ 6 Tháng 4/2024	413.327.033.933	36.574.177,10	11.301,06	(176,27)
Kỳ 7 Tháng 4/2024	427.441.556.593	36.961.097,66	11.564,63	263,57
<b>Kỳ cuối Tháng 4/2024</b>	<b>430.603.812.355</b>	<b>37.098.111,40</b>	<b>11.607,16</b>	<b>42,53</b>
Kỳ 1 Tháng 5/2024	430.578.235.385	37.098.111,40	11.606,47	(0,69)
Kỳ 2 Tháng 5/2024	441.580.211.099	37.227.300,75	11.861,73	255,26
Kỳ 3 Tháng 5/2024	447.472.643.694	37.374.832,42	11.972,56	110,83
Kỳ 4 Tháng 5/2024	448.959.012.050	37.699.460,47	11.908,89	(63,67)
Kỳ 5 Tháng 5/2024	458.070.480.362	37.839.635,71	12.105,57	196,68
Kỳ 6 Tháng 5/2024	465.987.683.538	37.966.338,80	12.273,70	168,13
Kỳ 7 Tháng 5/2024	469.849.930.836	38.170.572,58	12.309,21	35,51
Kỳ 8 Tháng 5/2024	474.821.638.182	38.634.142,80	12.290,20	(19,01)
Kỳ 9 Tháng 5/2024	477.111.163.947	38.679.187,14	12.335,08	44,88
<b>Kỳ cuối Tháng 5/2024</b>	<b>477.812.647.282</b>	<b>38.681.213,12</b>	<b>12.352,57</b>	<b>17,49</b>
Kỳ 1 Tháng 6/2024	485.092.686.253	38.681.213,12	12.540,78	188,21
Kỳ 2 Tháng 6/2024	491.745.939.861	39.131.838,29	12.566,38	25,60
Kỳ 3 Tháng 6/2024	496.382.335.235	39.110.135,44	12.691,91	125,53
Kỳ 4 Tháng 6/2024	504.461.334.751	39.339.338,72	12.823,33	131,42
Kỳ 5 Tháng 6/2024	496.041.533.337	39.322.036,93	12.614,84	(208,49)
Kỳ 6 Tháng 6/2024	505.237.325.865	39.578.440,80	12.765,46	150,62
Kỳ 7 Tháng 6/2024	495.965.213.573	39.780.052,78	12.467,68	(297,78)
Kỳ 8 Tháng 6/2024	503.089.261.289	40.173.869,04	12.522,79	55,11
<b>Kỳ cuối Tháng 6/2024</b>	<b>500.767.150.832</b>	<b>40.404.431,36</b>	<b>12.393,86</b>	<b>(128,93)</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 7/2024	503.402.062.287	40.404.431,36	12.459,08	65,22
Kỳ 2 Tháng 7/2024	512.933.979.046	40.689.051,03	12.606,19	147,11
Kỳ 3 Tháng 7/2024	521.743.377.681	40.946.032,84	12.742,22	136,03
Kỳ 4 Tháng 7/2024	521.772.315.210	40.937.960,25	12.745,43	3,21
Kỳ 5 Tháng 7/2024	521.418.571.361	40.913.754,15	12.744,33	(1,10)
Kỳ 6 Tháng 7/2024	517.539.766.675	41.020.542,37	12.616,59	(127,74)
Kỳ 7 Tháng 7/2024	511.055.208.486	41.141.497,84	12.421,89	(194,70)
Kỳ 8 Tháng 7/2024	508.383.122.082	41.337.098,62	12.298,47	(123,42)
Kỳ 9 Tháng 7/2024	515.965.347.220	41.646.079,39	12.389,28	90,81
<b>Kỳ cuối Tháng 7/2024</b>	<b>518.439.428.038</b>	<b>42.009.895,03</b>	<b>12.340,88</b>	<b>(48,40)</b>
Kỳ 1 Tháng 8/2024	492.545.079.968	42.168.505,93	11.680,40	(660,48)
Kỳ 2 Tháng 8/2024	507.021.350.684	42.416.130,04	11.953,50	273,10
Kỳ 3 Tháng 8/2024	520.996.662.468	42.642.250,70	12.217,85	264,35
Kỳ 4 Tháng 8/2024	520.639.354.095	42.844.436,48	12.151,85	(66,00)
Kỳ 5 Tháng 8/2024	537.810.824.927	42.871.820,71	12.544,62	392,77
Kỳ 6 Tháng 8/2024	543.200.714.564	42.924.603,69	12.654,76	110,14
Kỳ 7 Tháng 8/2024	543.049.933.314	43.183.330,31	12.575,45	(79,31)
Kỳ 8 Tháng 8/2024	540.364.332.204	43.100.270,00	12.537,37	(38,08)
<b>Kỳ cuối Tháng 8/2024</b>	<b>541.232.341.786</b>	<b>42.993.687,67</b>	<b>12.588,64</b>	<b>51,27</b>
Kỳ 1 Tháng 9/2024	538.298.572.899	42.993.687,67	12.520,40	(68,24)
Kỳ 2 Tháng 9/2024	532.521.188.761	43.093.329,48	12.357,39	(163,01)
Kỳ 3 Tháng 9/2024	530.459.780.040	43.068.352,56	12.316,69	(40,70)
Kỳ 4 Tháng 9/2024	527.301.215.695	43.082.639,38	12.239,29	(77,40)
Kỳ 5 Tháng 9/2024	535.961.030.787	43.029.673,29	12.455,61	216,32
Kỳ 6 Tháng 9/2024	540.854.024.668	43.044.326,09	12.565,04	109,43
Kỳ 7 Tháng 9/2024	550.417.411.098	43.013.738,58	12.796,31	231,27
<b>Kỳ cuối Tháng 9/2024</b>	<b>546.744.511.278</b>	<b>42.885.381,37</b>	<b>12.748,97</b>	<b>(47,34)</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 10/2024	546.377.847.210	42.961.870,57	12.717,73	(31,24)
Kỳ 2 Tháng 10/2024	541.589.201.671	43.051.428,01	12.580,05	(137,68)
Kỳ 3 Tháng 10/2024	548.798.046.858	43.113.598,67	12.729,11	149,06
Kỳ 4 Tháng 10/2024	553.103.479.885	43.230.897,51	12.794,17	65,06
Kỳ 5 Tháng 10/2024	551.174.829.272	43.320.077,93	12.723,31	(70,86)
Kỳ 6 Tháng 10/2024	551.562.472.290	43.367.118,20	12.718,44	(4,87)
Kỳ 7 Tháng 10/2024	552.588.863.020	43.491.960,05	12.705,54	(12,90)
Kỳ 8 Tháng 10/2024	550.388.236.447	43.562.041,42	12.634,58	(70,96)
Kỳ 9 Tháng 10/2024	557.935.964.858	43.742.707,71	12.754,94	120,36
<b>Kỳ cuối Tháng 10/2024</b>	<b>560.624.773.138</b>	<b>43.860.306,04</b>	<b>12.782,05</b>	<b>27,11</b>
Kỳ 1 Tháng 11/2024	553.870.232.473	43.860.306,04	12.628,05	(154,00)
Kỳ 2 Tháng 11/2024	567.573.553.112	44.128.412,64	12.861,86	233,81
Kỳ 3 Tháng 11/2024	569.039.520.689	44.266.876,78	12.854,74	(7,12)
Kỳ 4 Tháng 11/2024	569.899.934.581	44.378.411,03	12.841,82	(12,92)
Kỳ 5 Tháng 11/2024	558.209.800.650	44.429.791,74	12.563,86	(277,96)
Kỳ 6 Tháng 11/2024	557.942.623.617	44.629.499,68	12.501,65	(62,21)
Kỳ 7 Tháng 11/2024	571.324.581.581	44.907.613,26	12.722,22	220,57
Kỳ 8 Tháng 11/2024	577.234.127.606	45.131.888,55	12.789,93	67,71
<b>Kỳ cuối Tháng 11/2024</b>	<b>587.196.006.842</b>	<b>45.168.369,42</b>	<b>13.000,15</b>	<b>210,22</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 12/2024	587.612.464.200	45.168.369,42	13.009,37	9,22
Kỳ 2 Tháng 12/2024	587.094.866.219	45.229.625,80	12.980,31	(29,06)
Kỳ 3 Tháng 12/2024	597.025.721.505	44.846.632,57	13.312,60	332,29
Kỳ 4 Tháng 12/2024	594.916.792.468	44.880.320,97	13.255,62	(56,98)
Kỳ 5 Tháng 12/2024	594.148.879.545	44.873.991,84	13.240,38	(15,24)
Kỳ 6 Tháng 12/2024	597.159.169.926	45.041.658,16	13.257,93	17,55
Kỳ 7 Tháng 12/2024	601.954.406.076	45.229.311,59	13.308,94	51,01
Kỳ 8 Tháng 12/2024	609.911.933.927	45.312.264,84	13.460,19	151,25
Kỳ 9 Tháng 12/2024	610.229.655.688	45.424.447,18	13.433,94	(26,25)
<b>Kỳ cuối Tháng 12/2024</b>	<b>613.479.194.699</b>	<b>45.774.866,42</b>	<b>13.402,09</b>	<b>(31,85)</b>

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm **481.039.551.021**

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức cao nhất

(660,48)

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức thấp nhất

(0,65)

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 19. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	Số cuối năm (chứng chỉ quỹ)	Số đầu năm (chứng chỉ quỹ)
Đến một năm	60.731.679,68	45.774.866,42

## 20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

	Năm nay (%)	Năm trước (%)
Tỷ lệ chi phí hoạt động	2,21	2,26
Tốc độ vòng quay danh mục	28,79	25,44

### 20.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí phát hành, chi phí mua lại chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc phát hành, mua lại chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ (tiếp theo)

### 20.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

## 21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### 21.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro dẫn đến giá thị trường thay đổi, ví dụ như các thay đổi về lãi suất, tỷ giá, tỷ lệ đổi và giá chứng khoán ảnh hưởng đến thu nhập của Quỹ hay giá trị các khoản đầu tư của Quỹ.

- ▶ Ảnh hưởng: Giá trị thị trường của chứng khoán mà Quỹ đầu tư vào sẽ tăng hay giảm, đôi khi nhanh chóng hoặc đột ngột ngoài dự đoán. Giá trị thị trường của một chứng khoán có thể bị giảm bởi các hoạt động mua, bán trên thị trường hoặc các hoạt động khác liên quan đến cung, cầu của chứng khoán đó mà không liên quan đến tổ chức phát hành. Đây là rủi ro cơ bản với tất cả các chứng khoán. Giá cổ phiếu có xu hướng giảm khi có nhiều người bán hơn người mua trên thị trường. Tương tự như vậy, giá có xu hướng tăng lên cả khi có nhiều người mua hơn người bán trên thị trường.
- ▶ Phương pháp quản trị rủi ro: Có nhiều nhân tố góp phần tạo ra rủi ro thị trường. Các điều kiện kinh tế vĩ mô được theo dõi thường xuyên để đánh giá các nhân tố chứng có ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán, từ chính sách tiền tệ và tài khóa, kỳ vọng về lạm phát, thị trường kinh doanh cho tới thuế và các thay đổi về nhân khẩu học. Do bản chất khá quát của nó, rủi ro thị trường được quản trị bằng cách xác định và quản trị một số rủi ro cụ thể góp phần tạo ra rủi ro thị trường. Các rủi ro chính sau đây được giám sát thường xuyên:

#### (i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quỹ đầu tư sẽ bị biến động do những thay đổi của lãi suất thị trường, do sự thay đổi về cung, cầu của tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Rủi ro lãi suất ảnh hưởng gián tiếp tới cổ phiếu.

- ▶ Ảnh hưởng: Lãi suất tác động gián tiếp và ảnh hưởng nhiều nhất tới giá cổ phiếu, phụ thuộc vào khả năng vay và cấu trúc nợ của mỗi công ty (công ty có tỷ lệ các khoản vay dài hạn cao thì ảnh hưởng có thể sẽ bị ít hơn và ngược lại nếu công ty có các khoản vay ngắn hạn). Khi lãi suất gia tăng dẫn tới tăng chi phí vay để đáp ứng nhu cầu tài chính tăng cao, và kỳ vọng ngắn hạn rằng giá bán của công ty sẽ bị ảnh hưởng.

081  
CỘNG  
HÒA  
XÃ HỘI  
CHỦ NGHĨA  
LIÊN BANG  
VIỆT NAM  
PH

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 21.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

#### (i) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

- ▶ Phương pháp quản trị rủi ro: Quỹ sẽ quan sát rủi ro lãi suất thông qua việc phân tích báo cáo tài chính của các công ty để có cái nhìn cụ thể về những thế bổ cáo tài chính hàng quý. Những công ty có lượng tiền mặt cao và tỷ lệ đòn bẩy thấp sẽ có thể đối phó tốt với rủi ro lãi suất.

#### (ii) Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị của khoản đầu tư của Quỹ và các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi tỷ giá.

- ▶ Ảnh hưởng: Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ có rủi ro tỷ giá khi các công ty mà Quỹ đang đầu tư có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu và có tài sản hoặc nợ phải trả bằng ngoại tệ. Quỹ sẽ đầu tư tối đa 20% NAV của quỹ vào các tài sản tại nước ngoài, vì vậy sẽ có rủi ro tỷ giá khi chuyển đổi các khoản đầu tư này sang đồng Việt Nam do tài sản và nợ của Quỹ đều được trình bày bằng đồng Việt Nam.
- ▶ Phương pháp quản trị rủi ro: Các khoản đầu tư có rủi ro tỷ giá sẽ được giám sát thông qua việc phân tích các nguồn doanh thu và các khoản công nợ của công ty đó. Tài sản và nợ phải trả của Quỹ đều được trình bày bằng đồng Việt Nam, là đơn vị tiền tệ sử dụng của Quỹ. Vì vậy, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ phải chịu rủi ro tỷ giá trong thời gian đầu tư tại Việt Nam. Việc bảo vệ nhà đầu tư tránh khỏi rủi ro này nằm ngoài khả năng của Quỹ và vì vậy, các nhà đầu tư nước ngoài, nếu cần thiết, cần phải tìm kiếm các công cụ để tự phòng ngừa rủi ro này.

#### (iii) Rủi ro biến động giá thị trường

Rủi ro biến động giá thị trường là rủi ro giá trị của các công cụ tài chính sụt giảm khi các chỉ số thị trường thay đổi và giá trị của từng chứng khoán thay đổi.

- ▶ Ảnh hưởng: Giá thị trường sụt giảm sẽ làm giảm giá trị của các khoản đầu tư.
- ▶ Phương pháp quản trị rủi ro: Rủi ro giá thị trường được phản ánh trong mức độ biến động của giá chứng khoán tăng hay giảm tương quan với các chứng khoán khác trong cùng thị trường. Để quản trị rủi ro biến động thay đổi giá, mức biến động của từng chứng khoán sẽ được đánh giá và theo dõi. Biến động cao hơn mức trung bình hàm ý rằng chứng khoán có nhiều rủi ro hơn (có thể đồng nghĩa với khả năng có nhiều lợi nhuận hơn). Mức độ biến động được đo lường bằng các phương pháp thống kê (độ lệch chuẩn của một chứng khoán so với trung bình, hay hệ số Beta). Công ty có chỉ số cơ bản tốt thông thường sẽ có mức biến động thấp hơn so với thị trường.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu của Quỹ là 858.306.891.600 đồng. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 85.830.689.160 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 85.830.689.160 đồng.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 21.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

#### (iv) Rủi ro lạm phát

Rủi ro lạm phát là rủi ro mà giá trị của các khoản đầu tư của quỹ suy giảm do lạm phát.

- ▶ Ảnh hưởng: Lạm phát có mức độ ảnh hưởng khác nhau đối với các cổ phiếu. Những công ty ít có khả năng tăng giá đầu ra khi lạm phát sẽ có lợi nhuận ít hơn và giá trị bị ảnh hưởng hơn. Ngược lại, những công ty có thể tăng giá đầu ra khi lạm phát sẽ có giá trị cao hơn trong trường hợp lạm phát cao. Vì vậy, cổ phiếu chỉ có thể tránh được rủi ro lạm phát nếu như công ty có thể chuyển lạm phát đó sang cho người tiêu dùng. Ngoài ra, trong môi trường lạm phát tăng, chi phí vay tăng do lãi suất huy động vốn thương mại cao nên doanh nghiệp giảm bớt hoạt động đầu tư. Điều này khiến cho tăng trưởng và sau đó là giá trị doanh nghiệp suy giảm.
- ▶ Phương pháp quản trị rủi ro: Rủi ro lạm phát đối với danh mục cổ phiếu có thể được giảm thiểu bằng cách tăng tỷ trọng danh mục vào cổ phiếu của những công ty có khả năng chuyển phần lớn lạm phát sang người tiêu dùng.

### 21.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán là rủi ro mà tổ chức phát hành không thể đáp ứng các nghĩa vụ của mình đối với các vốn gốc và lãi khi đến hạn thanh toán.

- ▶ Ảnh hưởng: Rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán chủ yếu liên quan đến trái phiếu. Tuy vậy, rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán cũng cần được xem xét đối với các công ty phát hành cổ phiếu, bởi vì việc mất khả năng thanh toán của một khoản nợ sẽ làm tăng chi phí nợ vay và có thể dẫn tới khả năng công ty phải phá sản và giá trị cổ phiếu sụt giảm mạnh.

Các công ty không được ưa thích, đặc biệt là các công ty mới thoát khỏi tình trạng mất khả năng thanh toán, thường có xu hướng giảm giá trị nhanh hơn khi kinh tế suy thoái. Các công ty này thường gặp khó khăn hơn trong việc giữ chân khách hàng và nhà cung cấp và trong việc thanh toán nghĩa vụ nợ hoặc tìm kiếm nguồn tài trợ bổ sung trong giai đoạn kinh tế suy thoái.

- ▶ Phương pháp quản trị rủi ro: Báo cáo tài chính được sử dụng để đánh giá rủi ro tín dụng và rủi ro mất khả năng thanh toán. Việc báo cáo tài chính được các công ty niêm yết công bố hàng quý, dự báo dòng tiền trong tương lai được sử dụng để đánh giá khả năng tài chính và triển vọng của công ty. Các sở giao dịch chứng khoán Việt Nam giám sát tình hình tài chính của các công ty niêm yết, và để bảo vệ các nhà đầu tư, các công ty này sẽ đình chỉ hoặc hủy bỏ niêm yết cổ phiếu của các công ty có tình hình tài chính không lành mạnh hoặc không đủ năng lực tài chính.

### 21.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà thanh khoản của người mua và người bán đối với chứng khoán quá thấp khiến cho Quỹ không thể hoặc mua hoặc bán chứng khoán tại các mức giá nhất định khi cần thiết. Chứng khoán niêm yết thường có rủi ro thanh khoản thấp hơn chứng khoán chưa niêm yết, tuy nhiên khả năng bán các khoản đầu tư này có thể bị ảnh hưởng bởi tổng giá trị giao dịch của thị trường chứng khoán.

Thước đo rủi ro thanh khoản và việc chứng khoán có thể bán được dễ dàng hay không, là chênh lệch giá giữa giá chào mua và giá chào bán. Cổ phiếu kém thanh khoản sẽ có mức chênh lệch rộng hơn cổ phiếu có thanh khoản cao.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 21.3 *Rủi ro thanh khoản* (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản của cổ phiếu có ở các công ty vốn hóa vừa và nhỏ và cũng có thể có ở các công ty có vốn hóa lớn nếu số lượng cổ phiếu có thể được giao dịch trên thị trường mà không được nắm giữ bởi các nhà đầu tư tổ chức.

Quý có thể sẽ đầu tư vào những chứng khoán không niêm yết, là các chứng khoán có rủi ro thanh khoản cao hơn.

- ▶ Ảnh hưởng: Thanh khoản thấp của các chứng khoán có thể ảnh hưởng đến tính thanh khoản của Quý. Thanh khoản thấp của các chứng khoán cũng dẫn đến giá mua, bán bất lợi cho Quý và do đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Quý.
- ▶ Phương pháp quản trị rủi ro: Rủi ro thanh khoản sẽ được theo dõi trên cơ sở 30 ngày cần thiết để bán mỗi chứng khoán trong danh mục dựa trên dữ liệu giao dịch bình quân của các chứng khoán đó trong năm liền trước. Các phương pháp cần thiết khác sẽ được tiến hành nếu có thời gian hoàn tất giao dịch hoặc khả năng bán khoản đầu tư của các mục tiêu khác nhau trong những ngày cần thiết tại thời điểm theo dõi định kỳ. Quý cũng sẽ yêu cầu các công ty mục tiêu thiết kế khẩu trừ trong hợp đồng nhằm giảm thiểu rủi ro thanh khoản này.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối năm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và tương đương tiền	12.958.855.168	12.958.855.168	31.376.825.925	31.376.825.925
Các khoản đầu tư thuần	858.306.891.600	858.306.891.600	585.923.064.150	585.923.064.150
- Cổ phiếu	858.306.891.600	858.306.891.600	585.236.458.650	585.236.458.650
- Quyền mua chứng khoán	-	-	686.605.500	686.605.500
Các khoản phải thu	-	-	541.598.000	541.598.000
	<b>871.265.746.768</b>	<b>871.265.746.768</b>	<b>617.841.488.075</b>	<b>617.841.488.075</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	716.823.625	716.823.625	-	-
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	791.986.429	791.986.429	409.566.597	409.566.597
Chi phí phải trả	101.520.000	101.520.000	27.000.000	27.000.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về phát hành chứng chỉ quỹ	904.239.613	904.239.613	2.134.648.676	2.134.648.676
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	1.436.279.765	1.436.279.765	795.299.797	795.299.797
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	1.489.042.162	1.489.042.162	953.425.659	953.425.659
	<b>5.439.891.594</b>	<b>5.439.891.594</b>	<b>4.319.940.729</b>	<b>4.319.940.729</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu, phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ và phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, cổ phiếu và quyền mua chứng khoán được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.4.*



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC**

**23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan**

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Giá dịch vụ quản lý quỹ	<b>15.418.484.185</b>	<b>9.039.985.453</b>

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	1.377.272.601	863.044.151
Phải trả phí về mua lại Chứng chỉ quỹ	791.986.429	409.566.597
	<b>2.169.259.030</b>	<b>1.272.610.748</b>

b) Thù lao của Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Thù lao của Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	<b>120.000.000</b>	<b>120.000.000</b>

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	<b>27.000.000</b>	<b>27.000.000</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)**

**23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)**

*c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ*

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
		<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	4.861.250,92	8,00	4.861.250,92	10,62
Bên liên quan khác		408.433,48	0,68	508.362,12	1,11
		<b>5.269.684,40</b>	<b>8,68</b>	<b>5.369.613,04</b>	<b>11,73</b>

**23.2 Các hợp đồng then chốt khác**

*Ngân hàng Giám sát*

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"):

*(i) Giá dịch vụ giám sát*

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, Giá dịch vụ Ngân Hàng Giám Sát là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 16.000.000 VNĐ (mười sáu triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ Ngân Hàng Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Giá dịch vụ ngân hàng giám sát trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 18.000.000 VNĐ (mười tám triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 16.000.000 VNĐ (mười sáu triệu đồng) một tháng được áp dụng cho ba tháng đầu tiên được tính từ khi Quỹ bắt đầu áp dụng tần suất giao dịch hàng ngày. Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Giá dịch vụ ngân hàng giám sát trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có). Giá dịch vụ giám sát được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

*(ii) Giá dịch vụ lưu ký*

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, Giá dịch vụ lưu ký là 0,03% (ba điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 11.000.000 VNĐ (mười một triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ lưu ký, chưa bao gồm chi phí giao dịch và đăng ký cho các giao dịch chứng khoán, được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Giá dịch vụ lưu ký trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, Giá dịch vụ lưu ký là 0,03% (ba điểm cơ bản) một năm áp dụng cho NAV dưới 1.000 tỷ đồng/năm và 0,02% (hai điểm cơ bản) một năm áp dụng cho NAV từ 1.000 tỷ đồng/năm trở lên, với mức tối thiểu là 12.000.000 VNĐ (mười hai triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 11.000.000 VNĐ (mười một triệu đồng) một tháng được áp dụng cho ba tháng đầu tiên được tính từ khi Quỹ bắt đầu áp dụng tần suất giao dịch hàng ngày.

811  
 ÔNG  
 TNH  
 T &  
 ET  
 HỒ

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

### 23.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

#### (ii) Giá dịch vụ lưu ký (tiếp theo)

Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Giá dịch vụ lưu ký trên chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch và đăng ký cho các giao dịch chứng khoán, thuế giá trị gia tăng (nếu có). Giá dịch vụ lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ:

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% (năm điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 31.000.000 VNĐ (ba mươi một triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% (năm điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 42.000.000 (bốn mươi hai triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 31.000.000 VNĐ (ba mươi một triệu đồng) một tháng được áp dụng cho ba tháng đầu tiên được tính từ khi Quỹ bắt đầu áp dụng tần suất giao dịch hàng ngày. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có). Giá dịch vụ quản trị quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 đồng một năm, tương đương với 3.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Ngoài ra, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch. Giá dịch vụ giao dịch trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Giá dịch vụ giám sát	357.059.627	227.560.623
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	245.481.792	150.802.836
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	87.120.000	47.740.000
Giá dịch vụ quản trị quỹ	496.156.825	448.800.000
Lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	21.049.165	23.095.807
Phí ngân hàng	6.378.813	10.967.854

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Tiền gửi thanh toán	12.958.855.168	31.376.825.925
Phải trả dịch vụ giám sát	31.894.734	22.345.762
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	21.746.409	15.235.746
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	1.760.000	4.400.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	43.168.418	37.400.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**24. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính của Quý.

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:  
Bà Nguyễn Mai Hoa  
Phó phòng Dịch vụ Quỹ và  
Danh mục

Người duyệt:  
Bà Trần Thị Hà Linh  
Kế toán Trưởng



Người duyệt:  
Bà Phạm Thanh Huyền  
Phó Tổng Giám đốc



